

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10
MÔN: SINH HỌC - LỚP: 10A2

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Sinh học	Ghi chú
1	100003	Ngô Phạm An	An	3	7.00	
2	100009	Trần Quốc	An	3	4.00	
3	100011	Bùi Thị Thu	Anh	3	4.80	
4	100100	Đỗ Ngọc Thuý	Dương	5	9.30	
5	100107	Châu Ngô Linh	Đan	5	8.30	
6	100158	Nguyễn Thái Ngọc	Hân	7	6.30	
7	100172	Trần Phạm Diệu	Hiền	7	6.80	
8	100183	Đặng Huy	Hoàng	8	7.80	
9	100250	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa	10	8.30	
10	100272	Võ Thanh Trúc	Lam	11	9.00	
11	100291	Dương Quốc	Lộc	11	6.00	
12	100295	Trần Nghệ	Luân	11	5.30	
13	100297	Hồ Thị Khánh	Ly	11	8.00	
14	100332	Võ Phương Thảo	My	13	9.00	
15	100333	Lưu Gia	Mỹ	13	6.50	
16	100350	Ngô Nguyễn Kim	Ngân	13	8.30	
17	100390	Nguyễn Bùi Khánh	Nguyên	14	8.00	
18	100393	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	15	8.80	
19	100391	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	14	8.30	
20	100398	Tăng	Nguyễn	15	5.50	
21	100433	Lại Minh	Như	16	9.30	
22	100434	Lại Thanh	Như	16	8.50	
23	100439	Nguyễn Ngọc Yến	Như	16	7.30	
24	100454	Nguyễn Bảo	Ni	16	8.00	
26	100476	Cô Nguyễn Ngọc	Phúc	17	4.80	
27	100495	Lâm Mỹ	Phụng	18	8.80	
28	100507	Nguyễn Thị Kim	Phượng	18	8.80	
29	100817	Phan Tấn	Quốc	27	7.80	
30	100559	Lã Hoàng Duy	Tân	20	6.80	
31	100564	Lương Trần Quốc	Thái	20	7.80	
32	100573	Nguyễn Ngọc Thanh	Thanh	20	7.30	
33	100584	Hồ Thị Ngọc	Thảo	20	8.00	
34	100621	Trần Ngọc Minh	Thơ	22	8.80	
35	100639	Nguyễn Đào Anh	Thư	22	9.00	
36	100669	Nguyễn Hoàng	Tiền	23	8.50	
37	100694	Đặng Thị Ngọc	Trâm	24	9.30	
38	100709	Trịnh Thành	Triết	24	8.30	
39	100712	Nguyễn Ngọc Lan	Trinh	24	8.80	
40	100729	Nguyễn Dương Minh	Trung	25	8.80	
41	100726	Đàm Minh	Trung	25	5.50	
42	100752	Lưu Thị Bích	Tuyền	25	8.30	
43	100754	Nguyễn Thanh	Tuyền	26	8.50	
44	100801	Tô Ngọc Thuý	Vy	27	8.00	
45	100780	Đoàn Thị Yến	Vy	26	8.30	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10
MÔN: SINH HỌC - LỚP: 10A4

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Sinh học	Ghi chú
1	100053	Trần Lê Thanh	Bảo	4	7.80	
2	100062	Đào Thị	Chúc	4	7.80	
3	100089	Nguyễn Khánh	Duy	5	5.80	
4	100094	Trần Phúc	Duy	5	2.30	
5	100164	Võ Ngọc Gia	Hân	7	7.00	
6	100173	Huỳnh Thái	Hiền	7	3.50	
7	100176	Nguyễn Mạnh	Hiếu	7	6.30	
8	100182	Phạm Đỗ Nhân	Hòa	8	8.00	
9	100190	Nguyễn Phi	Hùng	8	6.00	
10	100197	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	8	6.30	
11	100223	Phạm Thị Ngọc	Hường	9	8.30	
12	100236	Võ Hồng Phúc	Khang	9	5.00	
13	100240	Ngô Nhật	Khánh	10	7.50	
14	100265	Trương Thị Thúy	Kiều	10	3.00	
15	100275	Nguyễn Thị Hồng	Liên	11	5.30	
17	100356	Phan Nguyễn Yến	Ngân	13	4.30	
18	100375	Lê Nhan Khánh	Ngọc	14	6.30	
19	100384	Phan Nguyễn Như	Ngọc	14	8.50	
20	100385	Trương Như	Ngọc	14	7.80	
21	100382	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	14	5.30	
22	100420	Nguyễn Thuỳ Yến	Nhi	15	8.50	
23	100421	Nguyễn Trần Yến	Nhi	15	8.30	
24	100443	Phan Thị Kiều	Như	16	5.80	
25	100436	Lý Kim	Như	16	9.00	
26	100445	Trần Mai Quỳnh	Như	16	3.80	
27	100470	Nguyễn Hồng	Phong	17	9.00	
28	100479	Lê Gia	Phúc	17	2.30	
29	100482	Nguyễn Hoàng	Phúc	17	8.00	
30	100485	Nguyễn Trọng	Phúc	17	4.00	
31	100508	Hoàng Vinh	Quang	18	7.80	
32	100525	Nguyễn Ngọc Thảo	Quyên	19	8.80	
33	100529	Nguyễn Ngọc Như	Quyên	19	4.00	
34	100554	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	19	5.80	
35	100601	Nguyễn Toàn	Thắng	21	7.30	
36	100607	Đỗ Đình Đức	Thịnh	21	8.50	
37	100636	Huỳnh Vũ Anh	Thư	22	6.80	
38	100679	Huỳnh Phước	Toàn	23	8.50	
39	100682	Hà Thị Thu	Trang	23	8.50	
42	100742	Đặng Anh	Tuấn	25	8.80	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10
MÔN: SINH HỌC - LỚP: 10A7

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Sinh học	Ghi chú
1	100002	Lê Nguyễn Hoài	An	3	8.00	
2	100024	Nguyễn Phương	Anh	3	8.00	
3	100042	Lê Nguyễn Xuân	Bách	4	8.80	
4	100054	Lê Thị Ngọc	Bích	4	6.80	
5	100096	Lê Ngọc Thảo	Duyên	5	9.30	
6	100121	Phan Võ Phúc	Điền	6	6.00	
7	100122	Huỳnh Uyển	Đinh	6	9.00	
8	100141	Lưu Lê Phúc	Hào	6	8.50	
9	100163	Võ Ngọc Gia	Hân	7	6.30	
10	100146	Cao Thị Ngọc	Hân	7	8.80	
11	100177	Nguyễn Ngọc Thanh	Hiếu	7	8.80	
12	100185	Nguyễn Minh	Hoàng	8	8.80	
13	100220	Nguyễn Đăng	Hưng	9	8.50	
14	100219	Lê Tuấn	Hưng	9	7.30	
15	100222	Nguyễn Hồ Quỳnh	Hương	9	8.50	
16	100225	Phạm Hoàng	Kha	9	8.50	
17	100238	Trần Nhật Phương	Khanh	10	8.50	
18	100239	Lâm Xuân	Khánh	10	9.00	
19	100284	Nguyễn Trương Thảo	Linh	11	9.00	
20	100283	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11	9.50	
21	100298	Bùi Thị Kim	Lý	11	8.80	
22	100308	Phạm Thị Xuân	Mai	12	7.80	
23	100323	Đoàn Ngọc Trà	My	12	7.50	
24	100339	Trần Quốc	Nam	13	6.00	
25	100341	Dương Quỳnh Ánh	Ngân	13	9.00	
26	100344	Huỳnh Võ Thanh	Ngân	13	9.50	
27	100378	Ngô Mỹ Kim	Ngọc	14	7.50	
28	100381	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	14	8.50	
29	100447	Trần Nguyễn Quỳnh	Như	16	8.30	
30	100442	Phạm Quỳnh	Như	16	8.00	
31	100466	Trần Hoàng Tuấn	Phát	17	4.80	
32	100474	Trương Ngọc	Phú	17	9.30	
33	100490	Trần Nguyễn Hồng	Phúc	18	8.80	
34	100583	Hà Thị Diệu	Thảo	20	8.80	
35	100582	Châu Phương	Thảo	20	9.00	
36	100588	Nguyễn Thanh	Thảo	21	9.50	
37	100637	Lê Trương Anh	Thư	22	8.80	
38	100644	Nguyễn Thị Trang	Thư	22	9.30	
39	100652	Nguyễn Thị Hồng	Thy	22	8.00	
40	100680	Nguyễn Phạm Minh	Toàn	23	8.30	
41	100683	Huỳnh Thị Thủy	Trang	24	8.30	
42	100698	Nguyễn Quỳnh	Trâm	24	5.00	
43	100704	Đặng Nguyễn Ngọc	Trân	24	8.50	
44	100748	Nguyễn Ngọc	Tùng	25	2.00	
45	100785	Lê Phương Tuyết	Vy	26	8.00	
46	100794	Nguyễn Ngọc Yển	Vy	27	6.50	
47	100809	Nguyễn Mai Thanh	Xuân	27	4.50	
48	100812	Đoàn Kim	Yến	27	9.00	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10
MÔN: SINH HỌC - LỚP: 10A9

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Sinh học	Ghi chú
1	100010	Vô Thiên Bình	An	3	9.00	
2	100022	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	3	9.50	
3	100048	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	4	8.80	
4	100049	Nguyễn Thái	Bảo	4	9.00	
5	100077	Dương Tấn	Dũng	5	9.00	
6	100097	Nguyễn Cao Mỹ	Duyên	5	9.50	
7	100109	Đỗ Tấn	Đạt	5	9.30	
8	100135	Nguyễn Thanh	Giang	6	8.80	
9	100171	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	7	7.80	
10	100189	Đặng Quốc	Hùng	8	9.00	
11	100214	Vô Hoàng	Huy	9	9.00	
12	100243	Phạm Hoàng Duy	Khánh	10	9.80	
13	100267	Lê Nguyễn Bảo	Kim	11	9.80	
14	100271	Huỳnh Trúc	Lam	11	10.00	
15	100292	Vô Hoàng	Lộc	11	9.00	
16	100294	Thạch Bảo	Luân	11	9.50	
17	100306	Nguyễn Võ Xuân	Mai	12	8.50	
18	100320	Thạch Võ Ngọc	Minh	12	8.30	
19	100338	Lê Phương	Nam	13	8.80	
20	100349	Mai Thị Thanh	Ngân	13	8.80	
21	100387	Vô Nguyễn Bảo	Ngọc	14	9.50	
22	100368	Đặng Phan Bảo	Ngọc	14	8.00	
23	100396	Trần Huỳnh Khôi	Nguyên	15	9.00	
24	100392	Nguyễn Ngọc Thanh	Nguyên	14	8.80	
25	100400	Huỳnh Nguyễn Thành	Nhân	15	9.80	
26	100410	Phạm Võ Minh	Nhật	15	9.50	
27	100416	Nguyễn Hoàng Thảo	Nhi	15	8.50	
28	100414	Lê Ngọc Vân	Nhi	15	8.80	
29	100493	Bùi Thị Phi	Phụng	18	9.30	
30	100505	Vô Khánh	Phương	18	9.50	
31	100504	Phan Đặng Thảo	Phương	18	9.30	
32	100818	Lương Thế	Sơn	27	10.00	
33	100562	Vũ Duy	Tân	20	9.30	
34	100561	Trần Đạt	Tân	20	9.30	
35	100566	Nguyễn Minh	Thái	20	9.50	
36	100569	Trang Sĩ Quốc	Thái	20	9.30	
37	100590	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21	9.80	
38	100587	Mai Thị Thanh	Thảo	21	9.30	
39	100610	Nguyễn Huỳnh Phú	Thịnh	21	9.00	
40	100622	Lê Đức	Thuần	22	9.50	
41	100666	Trương Nguyễn Thủy	Tiên	23	8.30	
43	100673	Mai Viết	Tiến	23	9.00	
44	100775	Trần Quang	Vinh	26	9.00	
45	100791	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	26	9.30	
46	100796	Phạm Lê	Vy	27	9.50	
47	100802	Trần Ngọc Thảo	Vy	27	8.80	
48	100788	Nguyễn Hà Tuyết	Vy	26	8.80	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10

MÔN: SINH HỌC - LỚP: 10A10

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Sinh học	Ghi chú
1	100006	Nguyễn Minh Thuý	An	3	8.80	
2	100016	Huỳnh Nguyễn Hùng	Anh	3	8.80	
3	100030	Tô Thị Kim	Anh	3	8.50	
4	100017	Huỳnh Tú	Anh	3	8.30	
5	100051	Trần Quỳnh Gia	Bảo	4	8.00	
6	100069	Nguyễn Đức	Cường	4	8.50	
7	100081	Trần Thanh	Dũng	5	9.00	
8	100087	Nguyễn Hoàng	Duy	5	8.50	
9	100106	Hồ Quốc	Đại	5	9.50	
10	100111	Nguyễn Đặng Minh	Đạt	6	9.30	
11	100126	Bùi Minh	Đức	6	9.50	
12	100160	Trần Gia	Hân	7	8.50	
13	100162	Văn Ngọc Thảo	Hân	7	5.80	
14	100175	Đỗ Trung	Hiếu	7	8.50	
15	100187	Nguyễn Minh	Huân	8	8.50	
16	100205	Phạm Gia	Huy	8	7.80	
17	100212	Trương Gia	Huy	9	9.50	
18	100198	Nguyễn Hùng	Huy	8	9.30	
19	100230	Nguyễn Dương Nhật	Khang	9	9.50	
20	100246	Đặng Đăng	Khoa	10	9.00	
21	100270	Trương Tuấn	Kỳ	11	9.00	
22	100305	Nguyễn Thị Thanh	Mai	12	8.50	
23	100322	Võ Nguyễn Hoàng	Minh	12	7.80	
24	100314	Chu Văn	Minh	12	8.50	
25	100337	Lê Hoàng	Nam	13	8.50	
26	100361	Vương Thị Kim	Ngân	13	8.30	
27	100358	Trần Ngọc	Ngân	13	9.30	
28	100366	Mai Thanh	Nghĩa	14	8.80	
29	100380	Nguyễn Huỳnh Thanh	Ngọc	14	8.00	
30	100406	Trần Thanh	Nhân	15	8.80	
31	100402	Lê Thành	Nhân	15	9.30	
32	100448	Võ Thị Quỳnh	Như	16	9.80	
33	100455	Huỳnh Ngọc Phương	Oanh	16	8.80	
34	100459	Đặng Phong	Phát	17	7.80	
35	100541	Huỳnh Lợi Phát	Tài	19	7.80	
36	100557	Dương Nguyễn Thanh	Tân	20	7.80	
37	100563	Đỗ Thiết	Thạch	20	8.50	
38	100576	Trần Ngọc Lan	Thanh	20	7.00	
39	100592	Võ Ngọc Loan	Thảo	21	9.00	
40	100604	Từ Bảo	Thiên	21	7.00	
41	100612	Văn Nguyễn Phúc	Thịnh	21	8.80	
42	100641	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	22	9.00	
43	100678	Ngô Quang	Tính	23	7.80	
44	100681	Nguyễn Thanh	Tòng	23	8.80	
45	100695	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	24	9.00	
46	100696	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm	24	9.30	
47	100718	Ngô Minh	Trọng	24	8.80	
48	100758	Lê Thị Thục	Uyên	26	9.30	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10
MÔN: SINH HỌC - LỚP: 10A11

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Sinh học	Ghi chú
1	100012	Châu Trâm	Anh	3	8.50	
2	100027	Nguyễn Văn	Anh	3	8.30	
3	100046	Nguyễn Công	Bảo	4	5.30	
4	100047	Nguyễn Gia	Bảo	4	7.00	
5	100092	Trần Hoàng	Duy	5	7.50	
6	100104	Tất Khải	Dương	5	9.30	
7	100110	Huỳnh Tấn	Đạt	6	9.50	
8	100124	Quách Ngọc Tâm	Đoan	6	9.00	
9	100140	Võ Anh	Hào	6	9.30	
10	100150	Đoàn Thị Gia	Hân	7	7.50	
11	100180	Ngô Thanh	Hòa	7	7.50	
12	100186	Vũ Việt	Hoàng	8	5.80	
13	100206	Phạm Nguyễn Đức	Huy	8	8.30	
14	100221	Nguyễn Hoài Thiên	Hương	9	8.80	
15	100224	Nguyễn Đình	Kha	9	7.50	
16	100252	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	10	7.30	
17	100257	Nguyễn Hoàng	Khôi	10	8.50	
18	100261	Phan Thành Tuấn	Kiệt	10	8.50	
19	100264	Vũ Tuấn	Kiệt	10	6.30	
20	100277	Hồ Gia	Linh	11	9.30	
21	100288	Thái Thị Kim	Loan	11	8.80	
22	100301	Đặng Vũ Quỳnh	Mai	12	8.50	
23	100310	Phạm Huỳnh Minh	Mẫn	12	4.80	
24	100336	Huỳnh Lê Phương	Nam	13	8.30	
25	100348	Lý Thu	Ngân	13	9.50	
26	100444	Tổng Hồ Lê Hoài	Như	16	8.50	
27	100453	Trần Minh	Nhựt	16	8.50	
28	100467	Trần Nguyễn Thuận	Phát	17	8.50	
29	100473	Nguyễn Trần Triệu	Phú	17	6.80	
30	100480	Lục Hoàng	Phúc	17	7.00	
31	100492	Trần Trọng	Phúc	18	8.30	
32	100497	Nguyễn Tấn	Phước	18	7.00	
33	100512	Tsú Vị	Quang	18	7.00	
34	100518	Lê Thanh	Quy	18	8.30	
35	100534	Phan Xuân	Quỳnh	19	8.80	
36	100567	Nguyễn Quốc	Thái	20	8.80	
37	100580	Nguyễn Việt	Thành	20	6.80	
38	100617	Võ Hoàng	Thông	21	9.00	
39	100628	Tạ Dương Thu	Thùy	22	8.80	
40	100671	Lê Võ Thành	Tiến	23	8.80	
41	100731	Nguyễn Văn	Trung	25	8.80	
42	100735	Nguyễn Thanh	Trường	25	7.50	
43	100750	Trang Sĩ	Tùng	25	8.50	
44	100749	Nguyễn Thanh	Tùng	25	9.00	
45	100766	Đặng Nguyễn Tuyền	Vì	26	8.80	
47	100528	Dương Huỳnh Như	Ý	19	8.50	
48	100399	Nguyễn Thanh	Nhã	15	9.00	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10
MÔN: SINH HỌC - LỚP: 10A12

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Sinh học	Ghi chú
1	100019	Lê Huỳnh	Anh	3	8.00	
2	100044	Kiều Gia	Bảo	4	7.80	
3	100060	Nguyễn Lâm	Chiến	4	6.00	
4	100063	Phan Thành	Chương	4	7.80	
5	100067	Lê Lương	Cường	4	6.50	
6	100071	Nguyễn Thành	Danh	4	7.50	
7	100080	Nguyễn Tấn	Dũng	5	8.00	
8	100102	Lê Đoàn Ánh	Dương	5	8.00	
9	100101	Lâm Thùy	Dương	5	8.80	
10	100118	Trương Thành	Đạt	6	8.00	
11	100128	Mai Anh	Đức	6	9.00	
12	100131	Tô Tiến	Đức	6	7.30	
14	100210	Trần Quốc	Huy	9	6.80	
15	100235	Trương Phạm Duy	Khang	9	9.00	
16	100233	Nguyễn Nhật Tuấn	Khang	9	8.30	
17	100248	Lê Đăng	Khoa	10	7.80	
18	100280	Nguyễn Châu Hoàn	Linh	11	6.80	
19	100296	Nguyễn Tấn	Lượng	11	9.00	
20	100362	Huỳnh Gia	Nghi	13	7.50	
21	100365	Lại Minh	Nghĩa	14	8.30	
22	100395	Phạm Huỳnh Hùng	Nguyên	15	8.30	
23	100389	Huỳnh Nguyễn Quốc	Nguyên	14	8.50	
24	100407	Vũ Hoàng Minh	Nhân	15	6.30	
25	100446	Trần Ngọc Phương	Như	16	8.50	
26	100462	Huỳnh Tấn	Phát	17	7.50	
27	100486	Nguyễn Tuấn	Phúc	17	9.00	
28	100503	Nguyễn Thị Tuyết	Phương	18	8.80	
29	100539	Lê Minh	Sự	19	8.50	
30	100542	Lê Huỳnh Phúc	Tài	19	5.30	
31	100547	Võ Thành	Tài	19	9.30	
32	100556	Trần Thanh	Tâm	19	5.00	
33	100560	Nguyễn Hùng	Tân	20	9.00	
34	100565	Nguyễn Hoàng	Thái	20	6.80	
35	100568	Nguyễn Quốc	Thái	20	6.80	
36	100578	Nguyễn Tấn	Thành	20	7.50	
37	100596	Sử Trường	Thắng	21	8.50	
38	100615	Nguyễn Thị Kim	Thoa	21	9.00	
39	100624	Nguyễn Thanh	Thúy	22	8.80	
40	100657	Trần Thu	Tị	23	8.00	
41	100692	Võ Thị Hoàng	Trang	24	3.30	
42	100693	Bùi Trần Bảo	Trâm	24	8.30	
43	100733	Võ Minh	Trung	25	9.00	
44	100727	Đinh Nhật	Trung	25	9.00	
45	100734	Mai Hồng	Trường	25	8.30	
46	100740	Nguyễn Tuấn	Tú	25	9.00	
47	100774	Phan Công	Vinh	26	8.30	
48	100813	Đoàn Võ Nguyễn Phi	Yến	27	8.50	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10
MÔN: SINH HỌC - LỚP: 10A13

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Sinh học	Ghi chú
1	100026	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	3	8.80	
2	100035	Ngô Hồng	Ánh	3	9.00	
3	100039	Trương Hồng	Ánh	3	9.00	
4	100068	Lê Trí	Cường	4	8.30	
5	100070	Nguyễn Thành	Danh	4	8.00	
6	100093	Trần Ngọc Bảo	Duy	5	8.00	
7	100085	Lê Vũ Khánh	Duy	5	6.00	
8	100098	Nguyễn Thị Kim	Duyên	5	8.80	
9	100123	Nguyễn Đình Hữu	Đoan	6	8.00	
10	100136	Nguyễn Trúc	Giang	6	8.50	
11	100156	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	7	7.00	
12	100174	Dương Hoà	Hiệp	7	7.00	
13	100188	Dương Tấn	Hùng	8	5.50	
14	100226	Ngô Hoàng	Khải	9	8.00	
15	100274	Dương Thái	Lâm	11	7.00	
16	100304	Nguyễn Phương	Mai	12	7.80	
17	100309	Nguyễn Huỳnh Minh	Mẫn	12	4.00	
18	100311	Quách Nhật	Mẫn	12	7.50	
19	100316	Lưu Gia	Minh	12	3.30	
20	100319	Quách Nhật	Minh	12	6.80	
21	100376	Mai Hà Ánh	Ngọc	14	7.80	
22	100377	Mai Hà Kim	Ngọc	14	5.00	
23	100372	Huỳnh Thị Kim	Ngọc	14	7.50	
24	100427	Hà Thị Trang	Nhung	16	8.80	
25	100431	Đoàn Ngọc Tuyết	Như	16	8.80	
26	100488	Trần Hiệp	Phúc	17	9.30	
27	100487	Phạm Trọng	Phúc	17	2.80	
28	100524	Lê Ngọc Thanh	Quyên	19	9.50	
29	100540	Đỗ Thành	Tài	19	9.00	
30	100558	Đoàn Chí	Tân	20	8.30	
31	100575	Phạm Huỳnh Kim	Thanh	20	3.30	
32	100579	Nguyễn Tiến	Thành	20	8.50	
33	100598	Nguyễn Ngọc	Thắng	21	7.50	
35	100635	Huỳnh Thị Anh	Thư	22	5.50	
36	100632	Huỳnh Minh	Thư	22	9.50	
37	100633	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	22	9.50	
38	100646	Trần Minh	Thư	22	7.50	
39	100662	Lê Đỗ Thuý	Tiên	23	8.50	
40	100660	Hồ Thuý	Tiên	23	9.00	
41	100672	Mai Thành Danh	Tiến	23	7.00	
42	100685	Lê Thị Thùy	Trang	24	9.50	
43	100703	Dương Thụy Bảo	Trân	24	7.00	
44	100708	Nguyễn Minh	Triết	24	9.50	
45	100719	Hồ Trần Thanh	Trúc	24	5.00	
46	100732	Phan Quốc	Trung	25	9.00	
47	100728	Lê Thành	Trung	25	8.30	
48	100736	Hoàng Văn	Tú	25	7.80	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10
MÔN: SINH HỌC - LỚP: 10A14

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Sinh học	Ghi chú
1	100043	Dương Gia	Bảo	4	7.50	
2	100072	Huỳnh Hồng	Diễm	4	6.50	
3	100075	Trần Khánh	Du	5	7.80	
4	100117	Phạm Ngọc Thành	Đạt	6	8.00	
5	100115	Nguyễn Thành	Đạt	6	3.50	
6	100184	Đoàn Minh	Hoàng	8	8.30	
7	100199	Nguyễn Huỳnh Quốc	Huy	8	5.50	
8	100241	Nguyễn Hoàng	Khánh	10	8.00	
9	100244	Phan Lê Hữu	Khánh	10	7.80	
10	100299	Nguyễn Duy Thiên	Lý	12	8.30	
11	100307	Nguyễn Xuân	Mai	12	7.50	
12	100324	Hứa Nguyễn Thảo	My	12	6.50	
13	100335	Đoàn Trần Tiến	Nam	13	9.50	
14	100340	Trang Ngọc	Ngà	13	8.80	
15	100347	Lý Kim	Ngân	13	8.50	
16	100367	Nguyễn Trung	Nghĩa	14	8.00	
17	100370	Hoàng Thị Bích	Ngọc	14	6.30	
18	100383	Nguyễn Trang Hồng	Ngọc	14	7.80	
19	100424	Trần Thị Yến	Nhi	15	8.30	
20	100430	Phan Thị Mỹ	Nhung	16	8.50	
21	100469	Đào Thanh	Phong	17	9.30	
22	100491	Trần Thanh	Phúc	18	7.00	
23	100501	Nguyễn Cao Hải	Phương	18	6.50	
24	100502	Nguyễn Quốc Nam	Phương	18	9.30	
25	100509	Lê Nhật	Quang	18	9.00	
26	100523	Huỳnh Ngọc Khánh	Quyên	19	9.00	
27	100532	Nguyễn Ngọc Ngân	Quỳnh	19	8.50	
28	100536	Nguyễn Hữu	Sang	19	8.30	
29	100600	Nguyễn Tiến	Thắng	21	8.00	
30	100611	Trương Xuân	Thịnh	21	8.80	
31	100618	Huỳnh Ngọc Minh	Thơ	21	9.30	
32	100634	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	22	9.80	
33	100648	Hoàng Ánh	Thương	22	8.50	
34	100656	Trần Bảo	Thy	23	9.00	
35	100663	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tiên	23	8.30	
36	100668	Đào Thị Thanh	Tiền	23	9.30	
37	100710	Đinh Ngọc Phương	Trinh	24	9.50	
38	100714	Phan Thị Tú	Trinh	24	8.80	
39	100738	Lê Phạm Minh	Tú	25	9.30	
40	100747	Lê Thanh	Tùng	25	9.00	
41	100751	Lê Thị Thanh	Tuyền	25	8.00	
42	100767	Cao Quang	Vinh	26	8.80	
43	100771	Lê Thế	Vinh	26	8.00	
44	100779	Đoàn Hà Bảo	Vy	26	9.30	
45	100806	Hà Thị Diễm	Xuân	27	9.30	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10
MÔN: SINH HỌC - LỚP: 10A15

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Sinh học	Ghi chú
1	100088	Nguyễn Khánh	Duy	5	7.00	
2	100127	Hùng	Đức	6	6.50	
3	100133	Phan Trần Hoàng	Gia	6	8.30	
4	100149	Dương Đặng Ngọc	Hân	7	8.80	
5	100192	Huỳnh Võ Quốc	Huy	8	8.80	
6	100218	Võ Ngọc Như	Huỳnh	9	7.30	
7	100228	Hồ Quốc	Khang	9	6.50	
8	100237	Nguyễn Huỳnh Trí	Khanh	10	7.30	
9	100253	Nguyễn Trịnh Anh	Khoa	10	5.80	
10	100251	Nguyễn Phạm Đăng	Khoa	10	5.30	
11	100255	Ngô Anh	Khôi	10	6.80	
12	100256	Ngô Tuấn	Khôi	10	8.50	
13	100266	Chung Đào Long	Kim	11	9.00	
14	100289	Nguyễn Quốc	Long	11	8.50	
15	100315	Huỳnh Tấn	Minh	12	7.30	
16	100357	Trần Hữu	Ngân	13	8.30	
17	100354	Nguyễn Thị Thu	Ngân	13	8.30	
18	100369	Đoàn Thị Như	Ngọc	14	8.50	
19	100394	Phạm Cao	Nguyên	15	7.80	
20	100422	Phạm Lê Tuyết	Nhi	15	8.80	
21	100417	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	15	8.50	
22	100460	Đỗ Tiến	Phát	17	7.50	
23	100496	Nguyễn Duy	Phước	18	8.80	
24	100494	Cao Thị Kim	Phụng	18	8.50	
25	100517	Phan Ngọc Phú	Quý	18	8.00	
26	100522	Đặng Thị Kim	Quyên	18	7.50	
27	100546	Trần Minh	Tài	19	8.80	
28	100553	Nguyễn Phúc Nhật	Tâm	19	9.00	
29	100577	Nguyễn Công	Thành	20	7.80	
30	100593	Vũ Thu	Thảo	21	7.50	
31	100614	Huỳnh Văn	Thọ	21	9.80	
32	100627	Phan Ngọc	Thùy	22	7.50	
33	100645	Tạ Nguyễn Vinh	Thư	22	9.00	
34	100667	Võ Phan Thủy	Tiên	23	9.00	
35	100676	Phan Trọng	Tín	23	6.80	
36	100690	Trần Ngọc Yến	Trang	24	8.50	
37	100713	Phạm Ngọc Phương	Trinh	24	4.00	
38	100724	Trương Thùy	Trúc	24	5.50	
39	100760	Trần Thiệu	Uyên	26	6.50	
40	100769	Huỳnh Quang	Vinh	26	5.80	
41	100772	Nguyễn Quang	Vinh	26	8.80	
42	100792	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	26	8.80	
43	100804	Trương Thị Yến	Vy	27	8.80	
44	100815	Trần Ngọc	Yến	27	8.80	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10
MÔN: SINH HỌC - LỚP: 10A16

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Sinh học	Ghi chú
1	100015	Hà Ngọc Phương	Anh	3	7.80	
2	100037	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	3	5.30	
3	100040	Chiêm Hoài	Ân	3	1.50	
4	100050	Trần Hoàng Gia	Bảo	4	8.50	
5	100058	Trần Ngọc Minh	Châu	4	7.30	
6	100114	Nguyễn Tấn	Đạt	6	8.50	
7	100125	Trần Ngọc Khánh	Đoan	6	7.50	
8	100129	Nguyễn Phương	Đức	6	8.30	
9	100144	Trịnh Thị	Hằng	7	9.00	
10	100194	Lương Hoàng	Huy	8	5.50	
11	100207	Phan Quốc	Huy	8	8.50	
12	100213	Trương Quốc	Huy	9	8.30	
13	100215	Võ Quốc	Huy	9	8.00	
14	100227	Ca Hoàng	Khang	9	9.30	
15	100263	Trương Tuấn	Kiệt	10	8.00	
16	100282	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11	8.30	
17	100302	Lê Ngọc Thanh	Mai	12	8.50	
18	100313	Bùi Đoàn Thanh	Minh	12	7.30	
19	100353	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	13	8.30	
20	100360	Trương Võ Thảo	Ngân	13	9.30	
22	100405	Phan Trọng	Nhân	15	9.00	
23	100409	Lê Ngọc	Nhật	15	8.50	
24	100425	Trần Thị Yến	Nhi	15	9.80	
25	100450	Nguyễn Minh	Nhật	16	5.30	
26	100475	Châu Kiến	Phúc	17	6.00	
27	100500	Huỳnh Phạm Mai	Phương	18	5.00	
28	100516	Trần Minh	Quân	18	8.00	
29	100533	Phan Võ Như	Quỳnh	19	3.80	
30	100586	Lê Hồng Phương	Thảo	20	8.30	
31	100609	Nguyễn Hoàng	Thịnh	21	6.30	
32	100626	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	22	9.00	
33	100638	Ngô Thị Anh	Thư	22	8.80	
34	100654	Phan Ngọc Minh	Thy	22	8.50	
35	100686	Lương Huỳnh Thùy	Trang	24	9.00	
36	100721	Nguyễn Thị Hương	Trúc	24	7.00	
37	100730	Nguyễn Thành	Trung	25	9.00	
38	100737	Lê Nguyễn Cẩm	Tú	25	9.00	
39	100744	Nguyễn Đức	Tuấn	25	8.30	
40	100743	Lê Võ Thái	Tuấn	25	8.00	
41	100784	Lê Hoàng Khánh	Vy	26	8.30	
42	100783	Huỳnh Thạch Thùy	Vy	26	8.50	
43	100787	Ngô Nguyễn Thúy	Vy	26	8.30	
44	100805	Trần Công Triệu	Vỹ	27	7.50	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10
MÔN: SINH HỌC - LỚP: 10A17

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Sinh học	Ghi chú
1	100014	Hà Hoàng	Anh	3	7.80	
2	100034	Dương Ngọc	Ánh	3	9.00	
3	100073	Huỳnh Thu	Diễm	5	8.80	
4	100084	Lê Anh	Duy	5	8.30	
5	100113	Nguyễn Hùng	Đạt	6	7.00	
6	100154	Nguyễn Đình Gia	Hân	7	7.30	
7	100157	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	7	9.00	
8	100166	Võ Ngô Gia	Hân	7	5.50	
9	100170	Nguyễn Lê Thanh	Hiền	7	7.30	
10	100208	Trần Dương Gia	Huy	8	5.30	
11	100201	Nguyễn Nhật	Huy	8	9.00	
12	100203	Nguyễn Thái	Huy	8	8.80	
13	100217	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	9	8.50	
14	100234	Trần Chí	Khang	9	8.80	
15	100249	Nguyễn Anh	Khoa	10	7.80	
16	100254	Lâm Anh	Khôi	10	8.00	
17	100258	Phạm Đăng	Khôi	10	9.00	
18	100268	Thái Hồng Thiên	Kim	11	8.50	
19	100300	Cao Thị Tuyết	Mai	12	8.00	
20	100317	Nguyễn Đăng Quang	Minh	12	8.30	
21	100328	Phạm Võ Kiều	My	12	9.00	
22	100345	Lê Thị Kim	Ngân	13	9.00	
23	100355	Nguyễn Tuyết	Ngân	13	9.30	
24	100401	Huỳnh Thành	Nhân	15	8.30	
25	100452	Phan Duy	Nhật	16	8.30	
26	100456	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	16	9.30	
27	100457	Nguyễn Gia	Ốn	16	5.00	
28	100465	Phạm Hoàng Minh	Phát	17	5.00	
29	100468	Trần Tấn	Phát	17	6.50	
30	100526	Nguyễn Ngọc Thảo	Quyên	19	4.80	
31	100544	Nguyễn Ngọc Anh	Tài	19	6.50	
32	100549	Nguyễn Đức	Tâm	19	3.80	
33	100555	Trang Lê Ngọc	Tâm	19	8.80	
34	100602	Nguyễn Trần	Thắng	21	9.30	
35	100597	Huỳnh Văn	Thắng	21	9.00	
36	100606	Bùi Trường	Thịnh	21	5.00	
37	100630	Võ Thị Thanh	Thúy	22	8.00	
38	100647	Trần Ngọc Minh	Thư	22	9.80	
39	100655	Thiều Thanh	Thy	22	6.80	
40	100659	Hồ Thị Hồng	Tiên	23	5.00	
41	100675	Nguyễn Trí	Tín	23	7.80	
42	100677	Trịnh Trọng	Tín	23	9.00	
43	100746	Phạm Võ Anh	Tuấn	25	9.00	
44	100773	Nguyễn Tấn	Vinh	26	9.30	
45	100803	Trương Huỳnh Nhật	Vy	27	7.80	
46	100777	Đèo Nàng Nhật	Vy	26	9.00	
47	100797	Phạm Ngọc Tường	Vy	27	8.30	
48	100790	Nguyễn Huỳnh Yến	Vy	26	9.00	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 - KHỐI 10
MÔN: SINH HỌC - LỚP: 10A18

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Sinh học	Ghi chú
1	100005	Nguyễn Hồ Mai	An	3	7.00	
2	100033	Võ Ngọc Vân	Anh	3	8.80	
3	100041	Lê Nguyễn Hoài	Ân	4	4.80	
4	100055	Nguyễn Văn	Bình	4	8.30	
5	100064	Bùi Quốc	Cường	4	9.00	
6	100076	Phạm Thị Hồng	Dung	5	4.50	
7	100119	Dương Khải	Đăng	6	8.80	
8	100137	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	6	7.80	
9	100165	Võ Ngọc Gia	Hân	7	7.50	
10	100147	Châu Ngọc	Hân	7	4.00	
11	100181	Nguyễn Nhật	Hòa	8	9.00	
12	100195	Nguyễn Gia	Huy	8	6.00	
13	100209	Trần Hoàng	Huy	8	8.80	
14	100216	Võ Quốc	Huy	9	8.50	
15	100193	Lê Nguyễn Thanh	Huy	8	9.00	
16	100229	Nguyễn Duy	Khang	9	8.00	
17	100260	Bùi Thanh	Kiệt	10	8.00	
18	100269	Võ Hoàng	Kim	11	8.00	
19	100281	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	11	8.80	
20	100330	Trương Ngọc Hà	My	12	6.30	
21	100374	Lê Hoàng Hồng	Ngọc	14	6.50	
22	100386	Văn Thị Kim	Ngọc	14	8.50	
23	100397	Võ Ngọc Thảo	Nguyễn	15	9.00	
24	100411	Bùi Thị Ngọc	Nhi	15	8.80	
25	100438	Nguyễn Gia	Như	16	7.30	
26	100435	Lục Quỳnh	Như	16	7.30	
27	100449	Nguyễn Minh	Nhật	16	6.50	
28	100478	Huỳnh Anh	Phúc	17	9.00	
29	100489	Trần Lê Hoàng	Phúc	17	6.80	
30	100483	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	17	8.80	
31	100477	Đinh Trọng	Phúc	17	8.80	
32	100510	Nguyễn Vinh	Quang	18	8.80	
33	100535	Trần Thị Mỹ	Quỳnh	19	7.00	
34	100538	Trần Văn	Sang	19	9.00	
35	100603	Nguyễn Trương Toàn	Thắng	21	5.80	
36	100619	Phạm Ngọc Hoàng	Thơ	21	9.00	
37	100658	Bùi Thị Cẩm	Tiên	23	8.00	
38	100670	Chung Nguyễn Minh	Tiến	23	7.50	
39	100674	Nguyễn Phước	Tiến	23	7.80	
40	100691	Trần Thị Phương	Trang	24	7.00	
41	100711	Lưu Mỹ	Trinh	24	5.30	
42	100768	Đoàn Ngô Thế	Vinh	26	7.30	
43	100798	Phạm Nguyễn Nhã	Vy	27	9.00	
44	100793	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	27	6.30	
45	100778	Đinh Ngọc Tường	Vy	26	8.50	
46	100807	Lê Hoàng Khánh	Xuân	18	7.30	